TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09-7-2019
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Lệ Tuyết

2. Ông Hà Văn Quen

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thạch Rine – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham giam phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T sinh năm 1989 (có mặt)
Địa chỉ: ấp Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.
Chổ ở hiện nay: ấp M, xã D, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.
Bị đơn: Ông Nguyễn Minh V sinh năm 1985 (vắng mặt)
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp K, xã KH, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Nơi đăng ký tạm trú: ấp L, xã D, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T đã trình bày như sau:

Về hôn nhân: bà và ông Nguyễn Minh V quen biết tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã KH, huyện C vào ngày 21/4/2009. Sau khi cưới thì vợ chồng bà về sống chung nhà cha mẹ chồng tại ấp K, xã KH, huyện C. Đến năm 2014, vợ chồng bà về tạm trú tại ấp L, xã D, thị xã DH.

Trong thời gian sinh sống tại xã D thì vợ chồng bà bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn trong công việc và bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau. Có khi ông V uống rượu về nhà kiếm chuyện đánh bà. Hiện tại vợ chồng bà đã sống ly thân. Bà không còn tình cảm vợ chồng với ông V. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Nguyễn Minh V.

- Về con chung: bà và ông Nguyễn Minh V có con chung là Nguyễn Việt H, sinh ngày 21/02/2009. Hiện cháu H đang sống chung với cha mẹ chồng của bà tại ấp K, xã KH, huyện C. Bà đồng ý cho ông V được quyền nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà và ông Nguyễn Minh V không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông Nguyễn Minh V không có.

Bị đơn ông Nguyễn Minh V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông V không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T. Tòa án đã tiến hành tìm gặp ông Nguyễn Minh V để lấy lời khai nhưng không gặp được ông V nên đã lập biên bản không lấy được lời khai của ông Nguyễn Minh V. Ông V cũng được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ hai lần nhưng ông V đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày của ông V trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt. Vì vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Minh V của bà Nguyễn Thị Thùy T.

+ Về con chung: Vị Kiểm sát viên đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 21/02/2009 cho ông Nguyễn Minh V nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu H.

+ Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về kiến nghị khắc phục:

+ Tòa án tiến hành lấy lời khai sau khi đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 203 BLTTDS; Nội dung biên bản không tiến hành hòa giải được ghi: "Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Giúp trình bày" là không đúng tên nguyên đơn trong vụ án;

+ Biên bản lấy ý kiến cháu Nguyễn Việt H nhưng cháu H chưa ký tên vào biên bản.

+ Tòa án làm việc với ông Nguyễn Văn U tại Tòa án nhưng sử dụng mẫu biên bản xác minh và Biên bản này không đóng dấu vào chữ ký Thẩm phán mà đóng dấu vào chữ ký của Thư ký.

Với những thiếu sót trên, Kiểm sát viên đề nghị khắc phục và rút kinh nghiệm để việc lập và xây dựng hồ sơ khác được tốt hơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Nguyễn Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Minh V và yêu cầu giải quyết việc nuôi con giữa bà T và ông V. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Minh V có hộ khẩu thường trú tại ấp K, xã KH, huyện C, tỉnh Trà Vinh nhưng ông V có đăng ký tạm trú tại ấp L, xã D, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, ông V vẫn còn sinh sống, làm việc tại ấp ấp L, xã D, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Minh V là bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Ông V cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của nguyên đơn, Kiểm sát viên và căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh V.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Minh V tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 21/4/2009 tại UBND xã KH, huyện C theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của bà T và ông V là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo bà T trong thời gian chung sống, giữa bà T và ông V có xảy ra mâu thuẫn trong công việc và bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau. Có khi ông V uống rượu về nhà kiếm chuyện đánh bà. Kết quả xác minh của Tòa án về mâu thuẫn của ông V và bà T như sau: trong thời gian sinh sống tại ấp L, ông V hay bà T không có trình báo cho chính quyền ấp L về việc mâu thuẫn của vợ chồng nên chính quyền ấp L không xác định được ông V

và bà T có xảy ra mâu thuẫn gì không. Còn theo ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1960, cư trú tại ấp K, xã KH, huyện C là cha ruột của ông V thì theo ông biết là giữa ông V và bà T có xảy ra mâu thuẫn nên ông V đã về sống chung nhà với ông được vài tháng nay. Còn lý do mâu thuẫn như thế nào thì ông không biết. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện để bà T, ông V đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn ông V. Còn ông V thì đều vắng mặt tại các phiên họp hòa giải mà không có lý do chính đáng. Khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông V đều vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng muốn được hạnh phúc là phải cùng yêu thương nhau, cùng chung sống và cùng mong muốn xây đắp gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên sau khi Tòa án tổ chức hòa giải, bà T một mực cương quyết yêu cầu ly hôn ông V vì cho rằng không còn tình cảm với ông V và không muốn tiếp tục chung sống với ông V. Tại phiên tòa, bà T vẫn cương quyết muốn ly hôn ông V. Điều này cho thấy khả năng để bà T và ông V đoàn tụ để chung sống là rất khó thực hiện được. Bà T và ông V hiện tại đang sống ly thân. Trong thời gian này, ông V cũng không tìm gặp bà T để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Minh V của bà Nguyễn Thị Thùy T như đề nghị của vị Kiểm sát viên.

[5] Về nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Minh V có con chung là Nguyễn Việt H, sinh ngày 21/02/2009. Hội đồng xét xử thấy rằng tình yêu thương của cha mẹ dành cho con là như nhau. Việc giao cháu H cho bà T hay ông V nuôi phải trên cơ sở bên nào đảm bảo quyền lợi tốt nhất dành cho cháu H. Tuy nhiên, cháu H sống với ông bà nội từ nhỏ. Ông V hiện tại đang sống chung với ông bà nội cháu H. Nguyên đơn bà T đồng ý cho ông V nuôi dưỡng cháu H. Còn cháu H trình bày nguyện vọng được sống chung với ông V. Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao cháu Nguyễn Việt H cho ông Nguyễn Minh V tiếp tục trông nôm, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu H.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Minh V là người được giao nuôi cháu Nguyễn Việt H nhưng không có ý kiến có yêu cầu cấp dưỡng cháu H hay không nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Minh V có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Việt H theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T không có yêu cầu chia tài sản; ông Nguyễn Minh V chưa có ý kiến chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ: Bà Nguyễn Thị Thùy T khai không có nợ chung với ông V; ông Nguyễn Minh V chưa có ý kiến về nợ chung với bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy T không thuộc trường hợp được giảm án phí hoặc không phải nộp án phí. Vì vậy, bà T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

[10] Về kiến nghị của Kiểm sát viên: Đối với kiến nghị của Kiểm sát viên cho rằng Tòa án làm việc với ông Nguyễn Văn U tại Tòa án nhưng sử dụng mẫu biên bản xác minh, Hội đồng xét xử thấy rằng ông Nguyễn Văn U không phải là đương sự hoặc người làm chứng trong vụ án. Ông U là cha ruột của bị đơn ông Nguyễn Minh V. Tòa án xác minh đối với ông Nguyễn Văn U là nhằm làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn. Tòa án xác minh đối với ông Nguyễn Văn U là hoạt động thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án lập biên bản xác minh là phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, kiến nghị này của Kiểm sát viên không được chấp nhận. Đối với các kiến nghị còn lại của Kiểm sát viên, mặc dù có thiếu sót nhưng không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ hợp pháp của đương sự trong vụ án và cháu Nguyễn Việt H nên Hội đồng xét xử chấp nhận và rút kinh nghiệm chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy T. Bà Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn ông Nguyễn Minh V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 21/02/2009 cho ông Nguyễn Minh V tiếp tục trông nôm, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Việt H.

Không ai được quyền cản trở ông Nguyễn Minh V trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, cũng như cản trở bà Nguyễn Thị Thùy T thăm nom cháu Hưng.

Vì lợi ích của cháu Nguyễn Việt Hưng, khi cần thiết và có yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy T hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án sẽ xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nếu bà Nguyễn Thị Thùy T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì ông Nguyễn Minh V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nôm con của bà T theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Minh V là người được giao nuôi cháu Nguyễn V H nhưng ông V chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Minh V có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con là bà Nguyễn Thị Thùy T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn V H theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T không yêu cầu và ông Nguyễn Minh V chưa yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, nếu bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Minh V có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân thì bà T hoặc ông V có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ: Bà Nguyễn Thị Thùy T khai không có; ông Nguyễn Minh V chưa khai có nợ ai nên ghi nhận ý kiến và không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0019519 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, bà Nguyễn Thị Thùy T đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Minh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Minh V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- UBND xã KH;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (10 bản)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tấn Thanh